

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN
Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày: 08/4/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Kim Quỳnh
2. Ông Ma Ngọc Vũ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2025/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 6 năm 1977, tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 11C, phường Đ, thành phố B1, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đinh Thị Đ; có vợ: Phạm Thị H và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

* **Bị hại:** Ông Phạm Đức V1, sinh năm 1957; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 11A (nay là tổ 10B), phường Đ, thành phố B1, tỉnh B. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Trọng K, sinh năm 1988; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Xóm L, xã C, huyện Ph, tỉnh Th. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Minh Qu, sinh năm 1990; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại tổ 11A (nay là tổ 10B), phường Đ, thành phố B1, tỉnh B). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Nguyễn Văn V xảy ra tranh chấp đất đai với ông Phạm Đức V1 tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính năm 2003), có địa chỉ tại

tổ 5, phường Ph, thành phố B1. Sau đó, ông Phạm Đức V đề nghị UBND phường Ph giải quyết. Ngày 03/7/2019, UBND phường Ph đã ban hành Thông báo số 52/TB-UBND về việc thông báo kết quả giải quyết đơn với nội dung: Căn cứ biên bản làm việc ngày 17/5/2019 thì ông Nguyễn Văn V đã san ủi vào phần đất của ông Phạm Đức V1 tại cạnh phía Tây của thửa đất 28m²(4,00m x 7,00m), phần đất diện tích này được thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị H và hướng dẫn ông Phạm Đức V1 và ông Nguyễn Văn V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B1 giải quyết tranh chấp, đồng thời yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng, ranh giới, mốc giới sử dụng đất đã được xác định tại thực địa. Sau khi nhận được thông báo của UBND phường, ông Phạm Đức V1 và Nguyễn Văn V không đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B1 giải quyết tranh chấp.

Tháng 5/2021, ông Phạm Đức V1 thuê người xây tường rào bằng gạch ba banh trên vị trí đất đang xảy ra tranh chấp, với chiều cao khoảng 1,6m và tổng chiều dài khoảng 12m.

Ngày 20/7/2021, Nguyễn Văn V đến khu đất thì phát hiện tường rào mới xây trên phần đất tranh chấp, xác định tường xây trên đất của mình nên Nguyễn Văn V đã thuê ông Nguyễn Mạnh T (sinh năm 1979, trú tại tổ 8A, phường Ph, thành phố B1) đưa máy xúc đến san ủi, dọn mặt bằng.

Ngày 21/7/2021, ông T đã bảo anh Hoàng Trọng K - Là người lái máy xúc thuê cho ông T điều khiển máy xúc từ tổ 8A, phường Ph đến khu đất Nguyễn Văn V đã thuê san ủi tại tổ 5, phường Ph, thành phố B1. Tại đây, Nguyễn Văn V đã yêu cầu anh K san gạt lấy mặt bằng thửa đất của mình và gạt đổ bức tường rào được xây bằng gạch ba banh trên diện tích đất tranh chấp. Khi anh K đang điều khiển máy xúc kéo đổ một phần bức tường thì ông Phạm Đức V1 và con trai là anh Phạm Minh Qu phát hiện và yêu cầu dừng việc gạt đổ bức tường còn lại. Tuy nhiên, Nguyễn Văn V vẫn yêu cầu anh K tiếp tục điều khiển máy xúc gạt đổ phần còn lại của bức tường.

Công an thành phố Bắc Kạn đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định: 01 (một) bức tường rào bị đổ được xây dựng bằng gạch xi măng (gạch ba banh) có chiều dài 7m, chiều cao trung bình 1,585m (kích thước trung bình viên gạch dài 29cm x rộng 15cm x cao 9cm).

Tại kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 17/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn kết luận: *“01 (một) bức tường rào bị đổ được xây dựng bằng gạch xi măng (gạch ba banh) có chiều dài 7m, chiều cao trung bình 1,585m (kích thước trung bình viên gạch dài 29cm x rộng 15cm x cao 9cm), bị hư hỏng do có ý làm hư hỏng tài sản, giá trị thiệt hại là 2.744.348 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).”*

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSTP ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Văn V về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm: ...”

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng ...”.

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh B nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Đức V1 số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 2.744.348 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.055.652 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Ngày 21/7/2021, tại tổ 5 phường Ph , thành phố B, Nguyễn Văn V đã thực hiện hành vi hủy hoại 01 (một) bức tường rào dài 7m, chiều cao trung bình 1,585m được xây dựng bằng gạch xi măng (gạch ba banh, kích thước trung bình mỗi viên gạch dài 29cm x rộng 15cm x cao 9cm) có trị giá 2.744.348 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng) là tài sản thuộc sở hữu của ông Phạm Đức V1.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp số tiền 2.744.348 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự để bồi thường nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về vấn đề bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án, cụ thể: Bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị tài sản bị hủy hoại và các chi phí khác với tổng số tiền là 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy, bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Trước phiên tòa bị cáo đã nộp số tiền 2.744.348 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để bồi thường, còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.055.652 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

* Đối với anh Hoàng Trọng K là người được Nguyễn Văn V thuê điều khiển máy xúc kéo đổ bức tường, khi được thuê anh Kiên không biết là tài sản của người khác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh B nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho bị hại ông Phạm Đức V1 số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu, tám trăm nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường số tiền 2.744.348 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.055.652 đồng (Một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh
- Phòng Thi hành án hình sự và
Hỗ trợ tư pháp CA tỉnh (PC10);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường Đức Xuân,
thành phố Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương